TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 80/2021/QĐST-KDTM	*Đông Anh, ngày 16 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 143/2020/TLST-KDTM ngày 21/10/2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ***Ngân hàng NN***; trụ sở: Số K đường LH, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông ***Tiết Văn T*** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ***Trịnh Xuân L*** – Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng NN chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Long: Ông ***Trần Văn M*** – Phó giám đốc Ngân hàng NN chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông ***Nguyễn Đăng Q*** – Giám đốc phòng giao dịch C - Ngân hàng NN chi nhánh Đ.

- *Bị đơn:* Ông ***Nguyễn Hồng N,*** sinh năm 1973; bà ***Nguyễn Thị T***, sinh năm 1977; cùng nơi cư trú: Thôn TH, xã ĐH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông ***Nguyễn Hồng N*** (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông ***Nguyễn Đức T1***, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn LH, xã ML, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201803292 ngày 20/6/2018; giấy nhận nợ số 3140LDS201808361 ngày 20/6/2018; tính đến hết ngày 07/6/2021, vợ chồng ông Nguyễn Hồng N – bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng NN số tiền như sau:

Tổng dư nợ gốc: 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng.

Tổng dư nợ lãi trong hạn: 135.369.863 (Một trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba) đồng.

Tổng dư nợ lãi quá hạn: 413.876.712 (Bốn trăm mười ba triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai) đồng.

Tổng dư nợ gốc và lãi: 2.049.246.575 (Hai tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm) đồng.

2. Về phương thức trả nợ: Hạn cuối là ngày 31/7/2023, vợ chồng ông Nguyễn Hồng N – bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng NN toàn bộ số tiền 2.049.246.575 (Hai tỷ, không trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm) đồng và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng kể từ ngày 08/6/2021 đến khi tất toán khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ theo lộ trình sau:

Từ tháng 7 năm 2021 đến hết tháng 12 năm 2021, mỗi tháng vợ chồng ông N – bà T phải trả Ngân hàng NN số tiền tối thiểu 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

Từ tháng 01 năm 2022 đến hết tháng 6 năm 2023, mỗi tháng vợ chồng ông N – bà T phải trả Ngân hàng NN số tiền tối thiểu 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng vào ngày 28 hàng tháng.

Ngày 31/7/2023, vợ chồng ông N – bà T phải trả toàn bộ khoản nợ còn lại cho Ngân hàng NN.

Toàn bộ tiền vợ chồng ông N – bà T trả Ngân hàng NN sẽ thu vào tiền gốc. Sau khi thu hết tiền gốc mới được thu vào tiền lãi.

3. Trường hợp vợ chồng ông N – bà T vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ theo thỏa thuận trên, thì Ngân hàng NN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 67(1), tờ bản đồ số 05 tại thôn LH, xã ML, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo GCNQSD đất số BM195604, số vào sổ: 2390.QĐ-UBND.2012/CH.00206.2012 ngày 27/8/2012 do UBND huyện Đông Anh cấp cho ông Nguyễn Hồng N.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì vợ chồng ông N – bà T tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng NN.

2.4 Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 72.984.000 (Bảy mươi hai triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 36.492.000 (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn) đồng. Ông Nguyễn Hồng N – bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 36.492.000 (Ba mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng NN số tiền 33.920.000 (Ba mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0017794 ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyến